TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **T PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/DS-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Ngọc Minh.

2. Bà Phạm Quý Phượng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 13/5/2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-DS ngày 06/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-DS ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: đường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thúy H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 0868/QĐ-BIDV.TSG ngày 26/8/2019).

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960;

2.2 Bà Nguyễn Thị Tường L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: đường số , Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thúy H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/10/2015, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tường L có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh Tây Sài Gòn (viết tắt là "Ngân hàng") Hợp đồng tín dụng, số hợp đồng: 01/2015/3294634/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng cho ông T, bà L vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô Ford Ranger 3.2 Wildtrak, hai cầu (4x4), số tự động (AT), máy dầu, 5 chỗ ngồi, mới 100%, màu cam (V3), nhập khẩu từ Thái L theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 1624/HĐMB_SGF_2015 ký ngày 20/10/2015. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay áp dụng cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm (lãi trong hạn) sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày 01/01 và 01/7 hàng năm theo quy định của Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Trả gốc và lãi vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, trong đó trả tiền gốc là 10.416.000 đồng và trả tiền lãi trên dư nợ gốc thực tế.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T, bà L có thế chấp cho Ngân hàng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger 3.2 Wildtrak, số loại IXBW9G4, số khung: MNCUMFF50GW495739; số máy: P5AT2103187; biển kiểm soát 51C-802.36 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/3294634/HĐBĐ ký ngày 26/10/2015 và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại T phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/10/2015.

Quá trình vay, tính đến ngày 05/3/2019, ông T, bà L đã trả được 427.056.000 đồng nợ gốc và 93.710.689 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 06/3/2019 cho đến nay ông T, bà L không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ trực tiếp yêu cầu ông T, bà L tiếp tục thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng nhưng không có kết quả.

Tính đến ngày 14/9/2020, ông T, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 89.454.186 đồng, trong đó, nợ gốc là 72.944.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.683.400 đồng, lãi quá hạn là 4.826.786 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng số tiền 89.454.186 đồng. Ông T, bà L còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà L.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do bà Lê Thị Thúy H làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà H nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tường L phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 14/9/2020 là 89.454.186 đồng, trong đó, nợ gốc là 72.944.000 đồng, lãi trong hạn là 11.683.400 đồng, lãi quá hạn là 4.826.786 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 15/9/2020 cho đến khi ông T, bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà ông T, bà L và Ngân hàng đã thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng tín dụng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trường hợp ông T, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tường L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tường L trả số tiền còn nợ. Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên thì mục đích vay để mua xe phục vụ tiêu dùng nên xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và còn trong thời hiệu khởi kiện.

Theo Kết quả xác minh của Công an Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại số: đường số , Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán nhà từ năm 2018 chuyển đi đâu không rõ, hiện không xác định được địa chỉ nơi cư trú của ông T. Bà Nguyễn Thị Tường L không có hộ khẩu thường trú tại số: đường số , Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Nguyên đơn Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn T theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản là số: đường số , Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông T không có mặt tại địa phương mà không thông báo cho nguyên đơn Ngân hàng biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ quy định tại khoản 8 về giải quyết tranh chấp của Hợp đồng tín dụng các bên giao kết thỏa thuận Tòa án nhân dân Quận 11 là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 11 là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đồng thời cũng là nơi thực hiện hợp đồng. Vì vậy tuy bị đơn có đăng ký thường trú tại quận Gò Vấp nhưng thẩm quyền giải quyết tranh chấp vẫn thuộc về Tòa án nhân dân Quận 11 theo loại việc, theo cấp xét xử và sự lựa chọn của nguyên đơn.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ do bà Lê Thị Thúy H làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông T, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông T, bà L vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông T, bà L đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Căn cứ Hợp đồng tín dụng đề ngày 26/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông T, bà L đã được Ngân hàng cho vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay áp dụng cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm (lãi trong hạn) sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày 01/01 và 01/7 hàng năm theo quy định của Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, số tiền trả nợ gốc cố định hàng tháng là 10.416.000 đồng, tiền lãi theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông T, bà L cùng ngày 26/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tổng cộng là: 427.056.000 đồng, tiền lãi là 93.710.689 đồng. Lần cuối cùng ông T, bà L thanh toán vào ngày 05/3/2019, kể từ ngày 06/3/2019 cho đến nay ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng là đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số nợ gốc còn lại là 72.944.000 đồng và tiền lãi trong hạn 11.683.400 đồng, lãi quá hạn 4.826.786 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

[4] *Về tài sản thế chấp:* Để đảm bảo khoản tiền vay, ông T, bà L đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger 3.2 Wildtrak, biển kiểm soát 51C-802.36 cho Ngân hàng, hai bên đã thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26/10/2015 và ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2015/3294634/HĐBĐ được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại T phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 1195006466 ngày 26/10/2015. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm và thế chấp tài sản đã được các bên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Do đó, trong trường hợp ông T, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/9/2020 là 89.454.186 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 72.944.000 đồng, tiền lãi trong hạn 11.683.400 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.826.786 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 15/9/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông T, bà L.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T, bà L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng có yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phạt quá hạn là 559.788 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T, bà L phải trả số tiền lãi phạt quá hạn này. Xét thấy việc rút yêu cầu nêu trên của đại diện nguyên đơn là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu nêu trên là phù hợp.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 336, 338, 355, 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L trả nợ.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 14/9/2020 là 89.454.186 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 72.944.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.683.244 đồng, lãi quá hạn là 4.826.786 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger Wildtrak 3.2, số loại: IXBW9G4, biển kiểm soát 51C-802.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110027 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2015 cho chủ xe là ông Nguyễn Văn T.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông T, bà L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông T, bà L thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho ông T, bà L.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L thanh toán số tiền lãi phạt quá hạn.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L phải chịu án phí là 4.472.709 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.910.478 đồng (Một triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015503 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, T phố Hồ Chí Minh.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 T PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, T phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Ngọc Minh;

2. Bà Phạm Quý Phượng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 35 đường Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, T phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thúy H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 0866/QĐ-BIDV.TSG ngày 26/8/2019).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960;

2.2 Bà Nguyễn Thị Tường L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: 146/7 đường số 8, Phường 11, quận Gò Vấp, T phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L trả nợ.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 14/9/2020 là 89.454.186 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 72.944.000 đồng, nợ lãi trong hạn là

11.683.244 đồng, lãi quá hạn là 4.826.786 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger Wildtrak 3.2, số loại: IXBW9G4, biển kiểm soát 51C-802.36 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110027 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an T phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2015 cho chủ xe là ông Nguyễn Văn T.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì ông T, bà L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp ông T, bà L thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính giấy chứng nhận chủ sở hữu đối với tài sản thế chấp cho ông T, bà L.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L thanh toán số tiền lãi phạt quá hạn.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tường L phải chịu án phí là 4.472.709 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.910.478 đồng (Một triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015503 ngày

12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, T phố Hồ Chí Minh.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các T viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 10 phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**